

GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG PHÁP QUYỀN NHÂN NGHĨA CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HIỆN NAY

PHAN NHẤT HUY
Trường Đại học Kiểm sát

Nhận bài ngày 06/01/2026. Sửa chữa xong 10/03/2026. Duyệt đăng 15/03/2026.

Abstract

This article analyzes the theoretical and practical foundations for educating students of Hanoi Procuratorate University on President Ho Chi Minh's humanistic rule-of-law thought in the context of building a socialist rule-of-law state and advancing judicial reform in Vietnam today. Based on a survey of students' awareness, attitudes, and levels of application, the study identifies both achievements and limitations in the transformation of theoretical understanding into professional competence. On that basis, the author proposes a comprehensive system of solutions, including the institutionalization of learning outcomes, the renewal of teaching methods, the strengthening of practical experience, and the development of a rule-of-law culture within the university. These measures are intended to contribute to the training of future procurators who are not only professionally competent but also deeply grounded in humanistic values.

Keywords: Ho Chi Minh, humanistic rule of law, legal education, professional ethics, Hanoi Procuratorate University.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, yêu cầu thượng tôn pháp luật, bảo vệ quyền con người và bảo đảm công lý ngày càng trở nên cấp thiết. Nhà nước pháp quyền không chỉ đòi hỏi hệ thống pháp luật đồng bộ, hoàn thiện mà còn cần đội ngũ cán bộ tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng và ý thức trách nhiệm. Đối với ngành Kiểm sát yêu cầu đó càng mang tính đặc thù, bởi mọi quyết định nghiệp vụ đều gắn trực tiếp với quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và uy tín của pháp luật. Sinh viên (SV) Trường Đại học Kiểm sát là nguồn nhân lực kế cận của hệ thống kiểm sát nhân dân, vì vậy việc giáo dục nền tảng tư tưởng, đạo đức và ý thức pháp quyền ngay từ quá trình đào tạo có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Trong bối cảnh đó, tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Hồ Chí Minh với cốt lõi là sự thống nhất giữa pháp luật và đạo đức, giữa tính nghiêm minh và tính nhân văn trở thành cơ sở lý luận quan trọng cho giáo dục pháp lý và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Hồ Chí Minh là kết quả của sự kết hợp sáng tạo giữa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, tinh hoa pháp lý tiến bộ của nhân loại và những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nội dung cốt lõi của tư tưởng này thể hiện ở ba phương diện: sự thống nhất giữa pháp luật và đạo đức cách mạng; bản chất dân chủ, vì con người của pháp luật mới và quan điểm xây dựng nền pháp quyền toàn dân.

Email: pnhuy@gmail.com

2.1.1. Sự thống nhất giữa pháp luật và đạo đức cách mạng

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, pháp luật và đạo đức đều là những bộ phận của kiến trúc thượng tầng, phản ánh nền tảng kinh tế - xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. C.Mác và Ph.Ăngghen từng khẳng định pháp luật trong xã hội tư bản là “Ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật pháp [2, tr. 619]. Trên cơ sở tiếp thu những nguyên lý đó, Hồ Chí Minh làm rõ hơn mối quan hệ biện chứng giữa pháp luật và đạo đức trong điều kiện xây dựng chế độ mới ở Việt Nam. Trước hết, Người khẳng định pháp luật và đạo đức là hai công cụ điều chỉnh xã hội có quan hệ mật thiết với nhau. Đạo đức là nền tảng tinh thần, còn pháp luật là bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện và bảo vệ những chuẩn mực đạo đức. Trong xã hội mới, pháp luật không thể tách rời đạo đức cách mạng mà phải được xây dựng trên nền tảng đạo đức đó, với cốt lõi là nhân nghĩa. Khi nêu chuẩn mực “trung với nước”, Người đồng thời xác định: “Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng, thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử” [6, tr. 127]. Ở đây, chuẩn mực đạo đức và quy định pháp luật được kết hợp trong một chỉnh thể thống nhất.

Pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh phải xuất phát từ đạo đức mới - đạo đức cộng sản, hướng tới thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức. Pháp luật phải ghi nhận và bảo đảm thực hiện nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, phù hợp với đạo lý xã hội. Như vậy, pháp luật không chỉ là công cụ cưỡng chế mà còn là phương tiện hiện thực hóa các giá trị đạo đức cách mạng. Nguyên tắc xử lý hành vi trong tư tưởng Hồ Chí Minh là “có lý - có tình”, nghĩa là tôn trọng pháp luật nhưng không tách rời hoàn cảnh cụ thể và yếu tố nhân văn. Người yêu cầu phải tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật để thực hiện chữ “Liêm”. Điều đó cho thấy sự kết hợp giữa giáo dục đạo đức và chế tài pháp luật trong quản lý xã hội. Tuy nhiên, nhấn mạnh yếu tố đạo đức không có nghĩa là xem nhẹ tính nghiêm minh của pháp luật. Hồ Chí Minh khẳng định: nếu làm gương không xong thì “sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ. Đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết” [4]. Thực tiễn xử lý vụ án Trần Dụ Châu cho thấy quan điểm nhất quán của Người về việc kết hợp nhân văn với nghiêm minh, bảo đảm công lý và củng cố niềm tin của nhân dân đối với pháp luật. Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật và đạo đức thống nhất nhưng không đồng nhất. Pháp luật làm cho các chuẩn mực đạo đức được bảo đảm thực hiện; đạo đức tạo nền tảng tinh thần để pháp luật được tự giác tuân thủ. Sự kết hợp ấy tạo nên đặc trưng “nhân nghĩa” của nền pháp quyền Việt Nam.

2.1.2. Pháp quyền dân chủ - vì con người

Trong hệ thống tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa, quan niệm về bản chất dân chủ và giá trị nhân văn của pháp luật giữ vị trí đặc biệt quan trọng. C.Mác từng viết: “Dưới chế độ dân chủ, không phải con người tồn tại vì pháp luật, mà pháp luật tồn tại vì con người” [5]. Hồ Chí Minh tiếp thu tinh thần đó và vận dụng sáng tạo trong quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam mới. Trước hết, Người phân định rạch ròi bản chất của hai kiểu pháp luật. Pháp luật phong kiến và thực dân, xét đến cùng, là công cụ bảo vệ lợi ích của thiểu số thống trị, duy trì đặc quyền và áp bức đa số nhân dân. Ngược lại, pháp luật của chế độ mới phải thể hiện ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Người khẳng định: “Luật pháp của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động” [3, tr. 185]. Tiêu chí căn bản để nhận diện bản chất tiến bộ của pháp luật, vì thế, không nằm ở hình thức kỹ thuật lập pháp mà ở câu trả lời cho câu hỏi: pháp luật phục vụ ai, bảo vệ lợi ích của ai. Đây là cách tiếp cận vừa mang tính giai cấp, vừa thấm đẫm tinh thần nhân nghĩa. Pháp quyền dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở sự đề cao và bảo đảm các quyền cơ bản của con người. Trong Tuyên ngôn Độc lập (1945), những quyền thiêng liêng của con người và của dân tộc là “những lẽ phải không ai chối cãi được” được khẳng định rõ. Tuyên bố đó không chỉ mang ý nghĩa chính trị mà còn là một luận điểm pháp lý xác lập nền tảng quyền con người như những giá trị phổ quát cần được hiến định và bảo vệ bằng pháp luật của Nhà nước độc lập. Đặc biệt, mệnh đề “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” thể hiện nhận thức sâu sắc của Người về vị trí tối thượng của pháp luật trong quản lý xã hội. “Thần linh” không hàm ý thần thánh hóa pháp luật mà nhấn mạnh tính quyền uy, tính bắt buộc và sự công bằng khách quan của pháp luật hợp lẽ phải. Trong một xã hội dân chủ, mọi tổ chức và cá nhân đều phải tuân thủ pháp luật. Pháp luật vì thế trở thành chuẩn mực tối cao điều chỉnh hành vi, bảo đảm công bằng và ổn định

xã hội. Tuy nhiên, mục tiêu cuối cùng của nền pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh là: “Làm cho nước được độc lập, dân được tự do, hạnh phúc” [3, tr. 174]. Pháp quyền nhân nghĩa do đó mang bản chất nhân đạo, lấy con người làm trung tâm, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, đồng thời kết hợp giữa xử lý nghiêm minh và giáo dục, cải tạo người vi phạm. Chính sự thống nhất giữa tính dân chủ, tính pháp lý và tính nhân văn ấy đã tạo nên chiều sâu tư tưởng pháp quyền vì con người trong di sản lý luận của Người.

2.1.3. Xây dựng nền pháp quyền toàn dân

Quán triệt nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất giai cấp của nhà nước và pháp luật, Hồ Chí Minh nhận thức rõ: tính chất của nhà nước quyết định nội dung giai cấp của pháp luật. Người nhấn mạnh: “Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp... Chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai?” [3, tr. 174]. Xuất phát từ hoàn cảnh Việt Nam - một nước thuộc địa vừa giành độc lập Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo học thuyết Mác-Lênin khi khẳng định sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước. “Nhân dân” được hiểu rộng là toàn thể người Việt Nam yêu nước. Sự thống nhất ấy dựa trên lợi ích chung của công nhân, nhân dân lao động và dân tộc, hướng tới độc lập, dân chủ và hạnh phúc cho mọi người.

Pháp luật trong quan niệm của Hồ Chí Minh, vừa là công cụ bảo vệ dân chủ vừa là phương tiện duy trì trật tự xã hội. Người yêu cầu “Nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ địch” [6, tr. 285]; “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào” [5, tr. 127]. Điều đó cho thấy pháp quyền nhân nghĩa không phải là sự nhân nhượng vô nguyên tắc, mà là sự kết hợp giữa dân chủ rộng rãi với kỷ cương nghiêm minh. Như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng nền pháp quyền toàn dân là bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, pháp luật phục vụ nhân dân và mọi tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật. Nền pháp quyền đó vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa thấm đượm tính nhân dân và tính dân tộc, tạo nền tảng lý luận cho việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay.

2.2. Về giáo dục tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa đối với sinh viên Trường Đại học Kiểm sát hiện nay

Giáo dục ý thức pháp luật và đạo đức cho SV Trường Đại học Kiểm sát được khảo sát trên mẫu 150 SV thuộc các khóa 11, 12, 13 năm học 2025-2026, trong đó 46,7% là khóa 12; 26,7% khóa 13; 26,7% khóa 11. Kết quả cho thấy nền tảng nhận thức của SV về pháp luật và đạo đức nhìn chung ở mức khá cao, song vẫn tồn tại những khoảng trống cần tiếp tục khắc phục. Trước hết, nhận thức về vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp quyền nhân nghĩa trong giáo dục pháp luật và đạo đức, có tới 87,3% SV đánh giá ở mức “rất quan trọng”, 10,7% ở mức “khá quan trọng”, 2% ở mức “bình thường” và không có ý kiến đánh giá “ít quan trọng” hoặc “không quan trọng”; tổng tỷ lệ nhận thức tích cực đạt 98%. Điều này phản ánh sự thống nhất gần như tuyệt đối về vị trí nền tảng của nội dung này trong đào tạo ngành Kiểm sát.

Về nội dung cốt lõi của tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa, 128/150 lượt SV (85,3%) lựa chọn phương án “Pháp luật vì con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân”. Tỷ lệ này cho thấy đa số SV đã nhận diện đúng bản chất nhân văn của pháp luật theo tinh thần Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, tỷ lệ rất thấp (5/150 ý kiến, tương đương 3,3%) cho rằng “chưa nhận thấy rõ biểu hiện cụ thể nào”, chứng tỏ phần lớn SV có khả năng nhận diện các biểu hiện của tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa trong môi trường học tập. Đối với hiệu quả giáo dục, 56,7% SV đánh giá công tác giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp quyền nhân nghĩa tại trường là “rất hiệu quả”. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhóm “phân vân”, phản ánh năng lực vận dụng đồng thời yếu tố pháp luật và đạo đức trong các tình huống cụ thể chưa thật sự vững chắc. Đáng chú ý, 24,7% SV chưa được tiếp cận đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ yếu do đặc điểm lộ trình đào tạo và năm học.

Về hành vi và thái độ học tập, chỉ 15,3% SV “thường xuyên liên hệ nội dung môn học với thực tiễn” cho thấy mức độ chuyển hóa từ nhận thức sang hành vi còn hạn chế. Một bộ phận SV vẫn còn tâm lý học tập đối phó, chú trọng điểm số hơn là rèn luyện chiều sâu kiến thức và đạo đức nghề nghiệp. Như vậy, thực trạng cho thấy công tác giáo dục tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa tại Trường Đại học Kiểm

sát đã đạt được những kết quả tích cực về nhận thức và thái độ, với các chỉ số đồng thuận cao. Song khoảng cách giữa nhận thức và vận dụng thực tiễn, giữa đồng thuận lý luận và hành vi tự giác vẫn là vấn đề cần tiếp tục được quan tâm hoàn thiện trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Giải pháp giáo dục tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho sinh viên Trường Đại học Kiểm sát hiện nay

2.3.1. Thể chế hóa tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa thành chuẩn đầu ra và cơ chế đánh giá đồng bộ

Giải pháp có tính nền tảng và định hướng lâu dài là thể chế hóa tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành hệ chuẩn đầu ra cụ thể trong chương trình đào tạo, gắn chặt với cơ chế kiểm tra, đánh giá và rèn luyện SV. Thực tiễn cho thấy, mặc dù đa số SV nhận thức rõ vai trò quan trọng của tư tưởng này, song mức độ chuyển hóa thành năng lực nghề nghiệp và hành vi cụ thể chưa thật sự đồng đều. Vì vậy, cần chuyển từ “giáo dục nhận thức” sang “đào tạo năng lực”.

Trước hết, trong chuẩn đầu ra ngành Luật và chuyên ngành Kiểm sát cần bổ sung yêu cầu: SV có khả năng vận dụng nguyên tắc “thượng tôn pháp luật gắn với nhân văn, nhân đạo” trong phân tích và giải quyết tình huống pháp lý. Yêu cầu này phải được cụ thể hóa thành các chỉ báo đo lường được, như: khả năng lập luận bảo vệ quyền con người; năng lực nhận diện xung đột giữa quy định pháp luật và hoàn cảnh cụ thể; thái độ khách quan, công tâm trong thảo luận học thuật. Về cơ chế đánh giá, ngoài điểm thi viết và vấn đáp cần bổ sung hình thức đánh giá qua hồ sơ năng lực, trong đó SV lưu giữ các bài phân tích tình huống, báo cáo thực tập, sản phẩm nghiên cứu. Cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn cần có phiếu nhận xét riêng về ý thức pháp luật, tác phong nghề nghiệp và thái độ tôn trọng đương sự. Đồng thời, tiêu chí rèn luyện hằng năm phải lồng ghép nội dung về trung thực học thuật, chấp hành nội quy, tinh thần trách nhiệm với tập thể. Việc thể chế hóa đồng bộ từ mục tiêu, nội dung đến đánh giá sẽ giúp tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa không dừng lại ở khẩu hiệu giáo dục mà trở thành tiêu chuẩn hành động, góp phần đào tạo đội ngũ kiểm sát viên tương lai vừa vững pháp luật, vừa giàu tinh thần nhân đạo.

2.3.2. Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng tích hợp chuyên môn - tình huống - phản biện giá trị

Để tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa thực sự thấm sâu vào tư duy nghề nghiệp cần đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng tích hợp liên ngành và tăng cường tính thực hành. Thay vì chỉ truyền đạt trong các học phần lý luận, nội dung này phải được lồng ghép vào các môn Tố tụng, Luật Hình sự, Luật Dân sự và kỹ năng nghiệp vụ kiểm sát.

Về nội dung, có thể xây dựng các chuyên đề chuyên sâu như: “Giới hạn của quyền lực công tố trong bảo đảm quyền con người”; “Nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự Việt Nam”; “Cân bằng giữa yêu cầu trừng trị và mục tiêu giáo dục, cải tạo”. Những chuyên đề này gắn trực tiếp với thực tiễn nghề nghiệp, giúp SV nhận thức rằng pháp luật không chỉ là hệ thống quy tắc cứng nhắc mà là công cụ phục vụ con người.

Về phương pháp, cần phát triển ngân hàng tình huống mô phỏng dựa trên các vụ việc điển hình đã được ẩn danh. Ví dụ: tình huống truy tố bị can là người chưa thành niên; vụ án có yếu tố hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; trường hợp áp lực dư luận xã hội đòi hỏi xử lý nghiêm khắc. SV phải phân tích theo cấu trúc: căn cứ pháp lý - quyền và lợi ích của các bên - tác động xã hội - đề xuất phương án bảo đảm tính nghiêm minh và nhân đạo.

Bên cạnh đó, tổ chức phiên tòa giả định chuyên đề “Pháp luật và Nhân nghĩa”, trong đó tiêu chí đánh giá bao gồm kỹ năng lập luận, thái độ ứng xử tôn trọng quyền con người và khả năng cân nhắc chính sách hình sự. Giảng viên đóng vai trò điều phối, đặt câu hỏi phản biện nhằm khơi gợi tư duy đa chiều. Cách tiếp cận này giúp SV hình thành tư duy pháp quyền nhân nghĩa như một năng lực hành nghề thực tế, thay vì chỉ là kiến thức lý thuyết.

2.3.3. Tăng cường giáo dục qua trải nghiệm thực tiễn và cơ chế phản tư nghề nghiệp có hướng dẫn

Giáo dục tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thực sự đi vào chiều sâu

khi SV được đặt trong những tình huống nghề nghiệp cụ thể, nơi các nguyên tắc pháp luật và giá trị nhân đạo không tồn tại tách rời mà luôn đan xen, thậm chí có lúc căng thẳng với nhau. “Học tập là quá trình trong đó tri thức được tạo ra thông qua sự chuyển hóa của kinh nghiệm”¹. Vì vậy, cần thiết kế hoạt động kiến tập, thực tập theo mô hình ba bước: trải nghiệm thực tiễn - phân tích tình huống - phản tư có hướng dẫn. Đây không chỉ là hoạt động bổ trợ mà phải trở thành cấu phần quan trọng trong chiến lược đào tạo.

Trước mỗi đợt thực tập tại Viện kiểm sát các cấp, nhà trường nên tổ chức chuyên đề định hướng với nội dung như: “Bản lĩnh kiểm sát viên trong bảo vệ công lý và quyền con người”. Tại đây, SV được trang bị khung phân tích gồm các câu hỏi gợi mở: Khi quyết định truy tố, kiểm sát viên đã cân nhắc đầy đủ hoàn cảnh nhân thân của bị can chưa? Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn có bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội và quyền bào chữa không? Có dấu hiệu nào thể hiện sự hài hòa giữa yêu cầu nghiêm minh và tinh thần nhân đạo của pháp luật? Bộ câu hỏi này đóng vai trò kim chỉ nam cho quá trình quan sát thực tế.

Trong thời gian thực tập, SV được tiếp cận hồ sơ vụ án (theo phạm vi cho phép), dự khán phiên tòa, lắng nghe trao đổi nghiệp vụ giữa kiểm sát viên và các chủ thể tố tụng. Mỗi SV cần ghi chép nhật ký thực tập, tập trung vào những tình huống thể hiện sự cân nhắc giữa pháp luật và nhân nghĩa, giữa bảo vệ trật tự xã hội và bảo đảm quyền con người. Ví dụ, quyết định áp dụng án treo trong một vụ án cụ thể có thể được phân tích dưới góc độ chính sách hình sự nhân đạo; hoặc việc đình chỉ điều tra khi không đủ chứng cứ được nhìn nhận như biểu hiện của tinh thần tôn trọng sự thật khách quan.

Sau đợt thực tập, yêu cầu mỗi SV viết báo cáo. Báo cáo không chỉ tường thuật sự việc mà phải phân tích một trường hợp tiêu biểu dưới tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa, chỉ ra điểm mạnh, hạn chế và đề xuất kiến nghị nếu ở vị trí người có thẩm quyền. Giảng viên hướng dẫn cần nhận xét để giúp SV hoàn thiện tư duy nghề nghiệp. Bên cạnh đó, việc tổ chức tọa đàm với các kiểm sát viên giàu kinh nghiệm về những “tình huống đạo đức khó xử” như áp lực dư luận sẽ giúp SV hiểu rõ tính phức tạp của thực tiễn và chuẩn bị tâm thế vững vàng.

Sự kết hợp giữa trải nghiệm thực tế và phản biện có định hướng sẽ giúp SV chuyển hóa tri thức lý luận thành niềm tin nội tâm và chuẩn mực hành vi, góp phần hình thành bản lĩnh nghề nghiệp.

2.3.4. Xây dựng môi trường văn hóa pháp quyền trong nhà trường và cơ chế phối hợp giáo dục đa chiều

Trước hết, cần rà soát, hoàn thiện và thực thi nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường theo tinh thần thượng tôn pháp luật và tôn trọng con người. Bộ quy tắc không chỉ dừng ở các quy định hành chính mà phải xác lập chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp tương lai: trung thực học thuật, khách quan trong đánh giá, tôn trọng sự khác biệt và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Chẳng hạn, đối với hành vi gian lận trong thi cử, ngoài hình thức kỷ luật phù hợp, SV có thể được yêu cầu tham gia sinh hoạt chuyên đề về đạo đức nghề kiểm sát và viết cam kết rèn luyện. Cách xử lý này vừa bảo đảm tính nghiêm minh của kỷ cương, vừa “có lý - có tình”, tạo cơ hội để người vi phạm sửa chữa sai lầm.

Thứ hai, xây dựng và phát triển các không gian học thuật và sinh hoạt chuyên đề mang tính đối thoại và phản biện, “học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn”, “nhà trường gắn liền với xã hội” [1]. Các câu lạc bộ như Phiên tòa giả định, Nghiên cứu quyền con người, Lý luận chính trị có thể tổ chức hội thảo SV, tọa đàm về những vấn đề thời sự pháp lý, cuộc thi hùng biện với chủ đề “Pháp luật và Nhân đạo trong hoạt động kiểm sát”. Thông qua việc chuẩn bị nội dung, tranh luận và phản biện, SV được rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy độc lập và thái độ tôn trọng quan điểm khác biệt – những yếu tố cốt lõi của văn hóa pháp quyền.

Thứ ba, thiết lập cơ chế phối hợp giáo dục đa chiều giữa nhà trường - gia đình - cơ quan thực tập. Nhà trường định kỳ thông tin về kết quả học tập và rèn luyện; gia đình phối hợp định hướng đạo đức,

1) David A. Kolb (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*, Prentice-Hall, Englewood Cliffs, New Jersey, USA, pp. 38.

lối sống; cơ quan thực tập phản hồi về thái độ nghề nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật của SV. Trên cơ sở phản hồi đó, nhà trường điều chỉnh phương pháp giáo dục, bổ sung chuyên đề hoặc hoạt động rèn luyện phù hợp.

Sự kết hợp giữa môi trường học đường kỷ cương, diễn đàn học thuật và cơ chế phối hợp hiệu quả sẽ tạo nên hệ sinh thái giáo dục toàn diện. Trong đó, tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh được học tập, thực hành và nội tâm hóa, làm nền tảng hình thành kiểm sát viên tương lai nghiêm minh, nhân văn.

3. Kết luận

Tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa nguyên tắc thượng tôn pháp luật và tinh thần nhân văn sâu sắc, thể hiện quan niệm nhất quán của Người về một nền pháp quyền vì con người, do con người và phục vụ con người. Trong công cuộc đổi mới đất nước, thanh niên cần tiếp tục phát huy truyền thống của Đảng và dân tộc, giữ vững lý tưởng, góp phần vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước, đồng thời đồng hành với con đường phát triển của đất nước. Tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [5, tr. 34]. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác giáo dục ý thức pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong nhà trường đã đạt được những kết quả tích cực, đặc biệt về nhận thức và thái độ của SV đối với giá trị pháp quyền nhân nghĩa. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách giữa hiểu biết lý luận và khả năng vận dụng trong thực tiễn nghề nghiệp. Vì vậy, cần đổi mới đồng bộ chương trình đào tạo, nội dung và phương pháp giảng dạy, đồng thời xây dựng môi trường văn hóa pháp quyền trong nhà trường. Việc chuẩn hóa chuẩn đầu ra, tăng cường trải nghiệm thực tiễn và giáo dục đạo đức nghề nghiệp sẽ góp phần hình thành đội ngũ kiểm sát viên tương lai vững chuyên môn, trong sáng về đạo đức, phụng sự công lý và nhân dân theo tinh thần Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập (tập 4, 1995). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 6, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 8, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 14, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.